

UNIT 7:**POLLUTION****SKILLS 1****I/ NEW WORDS:**

- industrial waste	(n) : rác thải công nghiệp
- sewage	(n) : rác thải chưa qua xử lý
- pesticide	(n) : thuốc trừ sâu
- insect	(n) : sâu bọ, côn trùng
- herbicide	(n) : thuốc diệt cỏ
- weed	(n) : cỏ dại
- factor	(n) : nhân tố
- storm water	(n):nước mưa, nước mưa bão
- point source pollution	(n) : ô nhiễm có nguồn
- non-point source pollution	(n) : ô nhiễm không nguồn
- outbreak	(n) : sự bùng phát,
- cholera	(n) : bệnh tả
- untreated	(n) : không điều trị
- beneath	(prep) : ở dưới

